

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST

Ngày 02 - 6 - 2026

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Lê.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hương và bà Trịnh Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Ban Thị V, sinh năm 2002; nơi thường trú: xóm N, xã B, tỉnh Cao Bằng; nơi tạm trú: tổ F, khu T, phường Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xử án vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1995; nơi thường trú: tổ E, khu H, phường Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn xin xử án vắng mặt, nguyên đơn chị Ban Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Đức H kết hôn hợp pháp vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C (nay là phường Q), tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu khoảng 9 tháng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà anh H ở tổ E, khu H, phường C, thành phố C (nay là phường Q), tỉnh Quảng Ninh. Ở nhà anh H khoảng hơn 2 năm, do cuộc sống chung bất tiện nên vợ chồng chị ra ngoài thuê trọ. Từ khi ra ngoài thuê trọ, cuộc sống chung của vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều rạn nứt, vợ chồng bắt đầu cãi nhau và bất đồng quan điểm nhiều mặt,

cả 2 đều cảm thấy cuộc sống ở nhà trọ không hạnh phúc. Sau đó, mẹ anh H gọi về nên cả hai vợ chồng đã quay về chung sống cùng mẹ anh H. Khi về nhà anh H sinh sống, mâu thuẫn vợ chồng cũng không được cải thiện và đến tháng 7 năm 2024, vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Khi ly thân chị và con chung vẫn ở cùng mẹ anh H còn anh H dọn ra ngoài sống. Đến khoảng tháng 4 năm 2025, chị và con chung đã dọn ra khỏi nhà mẹ anh H. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh H không quan tâm đến gia đình, chơi bời, ngoại tình. Chị đã góp ý với anh H nhưng anh H không thay đổi. Bản thân chị thấy mình không có lỗi gì trong việc phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng chị đã tìm cách khắc phục và mẹ anh H cũng đã hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ khi sống ly thân đến nay chị và anh H không quan tâm đến nhau và không liên lạc. Thỉnh thoảng anh H liên lạc với mẹ anh H và nói chuyện với con trai của chị. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, cả hai không có sự yêu thương, quan tâm dành cho nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

- Về con chung: chị và anh Nguyễn Đức H có 01 con chung là Nguyễn Gia K, sinh ngày 17/11/2020. Do con chung còn nhỏ và từ khi ly thân con chung vẫn do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn, chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh H không cấp dưỡng cho con chung. Hiện chị vẫn cho con chung qua lại để mẹ anh H cùng chị chăm sóc cho con chung nên chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc ly hôn, con chung, tài sản và công nợ chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ban Thị V, chị V được ly hôn với anh Nguyễn Đức H; về con chung: giao con chung Nguyễn Gia K cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng cho

con, anh H được quyền thăm con chung không ai được cản trở; về tài sản, công nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, quan điểm trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Đức H đăng ký thường trú tại phường Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị Ban Thị V khởi kiện xin ly hôn với anh H thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội), điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Nguyễn Đức H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh đã triệu tập hợp lệ anh H lần thứ hai mà anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa; chị Ban Thị V vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xử án vắng mặt nên căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của chị Ban Thị V, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: cuộc hôn nhân giữa chị Ban Thị V và anh Nguyễn Đức H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C (nay là phường Q), tỉnh Quảng Ninh vào năm 2020. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà của gia đình anh H và hiện đã sống ly thân khoảng hơn 1 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị V trình bày là do anh H không quan tâm đến gia đình, chơi bời và ngoại tình nên vợ chồng đã xảy ra cãi nhau và phải sống ly thân. Anh chị đã được gia đình anh H hoà giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Chị V kiên quyết xin ly hôn với anh H. Lời khai của chị V cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú thể hiện: trước khi bắt đầu sống ly thân, chị V và anh H đã thường xuyên mâu thuẫn, xảy ra cãi nhau. Vợ chồng rạn nứt tình cảm, cả hai cùng đi sớm về muộn. Cả hai đã ly thân từ khoảng tháng 4 năm 2025, từ đó không liên lạc và không quan tâm đến nhau nữa. Bản thân anh H đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh H không thiện chí hoặc không trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị V xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa

chị V và anh H đã trầm trọng, cả hai không có sự quan tâm dành cho nhau, đời sống chung vợ chồng không có, quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V đối với anh H.

- Về con chung: chị V và anh H có 01 con chung là Nguyễn Gia K, sinh ngày 17/11/2020. Từ khi chị V và anh H sống ly thân, con chung vẫn do chị V trực tiếp nuôi dưỡng và anh H không cấp dưỡng cho con chung. Chị V vẫn cho con chung qua lại để mẹ anh H cùng chị chăm sóc cho con chung. Bản thân anh H không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên cũng không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng cho con. Do vậy, yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị V là chính đáng và phù hợp. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp và đảm bảo được các điều kiện về sự phát triển cho con chung. Anh H không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: chị V là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội); điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ban Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Ban Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Gia K, sinh ngày 17/11/2020 cho chị Ban Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đức H không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000013349762 ngày 06/3/2026

của Công ty cổ phần T và biên lai số 22 ngày 11/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho biết: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSNDKV3 – Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Lê

